TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước

2. Ông Dương Quốc Võ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dyên Hải tham gia phiên tòa***: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Em B, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đoàn Em B đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà B và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010 tại UBND xã Dân Thành. Sau khi sinh con được khoảng hơn 01 năm thì cuối năm 2010 vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Th không lo làm ăn, phụ giúp gia đình. Vì vậy, bà mời gia đình hai bên họp cho hai vợ chồng thôi vì không biết phải ra tòa ly hôn. Từ đó, ông Th về sống với cha tại ấp Phước An, xã Long Toàn (nay là

Khóm A, Phường B) cho tới nay hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông Th. Bà hiện đã có gia đình khác nên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Bà B yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là cháu Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 03/11/2009, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông Th không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông Th cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội Dng vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Em B.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 03/11/2009 (theo nguyện vọng cháu D) cho bà Đoàn Em B nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Em B không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Đoàn Em B không có yêu cầu chia tài sản chung. Ông Th chưa có ý kiến về chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Đoàn Em B khai không có. Ông Th chưa có ý kiến về nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Đoàn Em B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Th yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà B và ông Th. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Khóm A, Phường B, thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Dyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn Th là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Ông Th cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Th.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Em B và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010 tại UBND xã Dân Thành theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà B và ông Th là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà B trong thời gian chung sống, giữa bà B và ông Th có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà B là do ông Th không lo làm ăn. Vợ chồng cự cãi và gia đình hai bên đã họp thống nhất cho ông Th và bà B chấm dứt hôn nhân vợ chồng. Từ đó, ông Th bỏ về cha ông Th sống tại ấp Phước An, xã Long Toàn (nay là Khóm A, Phường B). Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ mâu thuẫn cụ thể giữa ông Th và bà B nhưng thực tế là ông Th và bà B không còn sống chung khoảng chừng 09 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà B và ông Th đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà B vẫn muốn ly hôn ông Th. Còn ông Th thì vắng mặt tại phiên họp hòa giải mà không có lý do chính đáng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Th đều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà B một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông Th vì cho rằng không còn tình cảm với ông Th và không muốn tiếp tục chung sống với ông Th. Tại phiên tòa, bà B không đồng ý rút lại đơn khởi kiện. Điều này cho thấy khả năng để bà B và ông Th đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà B và ông Th hiện không còn sống chung. Trong thời gian này, bà B và ông Th cũng không tìm gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà B và ông Th có con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 03/11/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng tình yêu thương của cha mẹ dành cho con là như nhau. Việc giao con cho bà B hay ông Th nuôi phải trên cơ sở bên nào đảm

bảo quyền lợi tốt nhất dành cho con. Tuy nhiên, con chung thực tế sống với bà B. Mặc khác, cháu D cũng trình bày nguyện vọng được sống chung với bà B. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho bà Đoàn Em B tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà B là người được giao nuôi con chung nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà B có quyền yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà B không có yêu cầu chia tài sản; ông Nguyễn Văn Th chưa có ý kiến chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà B khai không có nợ chung với ông Nguyễn Văn Th; ông Th chưa có ý kiến về nợ chung với bà B nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà B không thuộc trường hợp được giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đòan Em B. Bà Đòan Em B được ly hôn ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 03/11/2009 (theo nguyện vọng cháu D) cho bà Đòan Em B tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở bà Đòan Em B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, cũng như cản trở ông Nguyễn Văn Th thăm nom con chung.

Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Nguyễn Văn Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Đòan

Em B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của ông Nguyễn Văn Th theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Em B không yêu cầu ông Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Đoàn Em B có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Đoàn Em B không yêu cầu và ông Nguyễn Văn Th chưa có ý kiến yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Đoàn Em B và ông Nguyễn Văn Th có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đoàn Em B hoặc ông Nguyễn Văn Th có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Đoàn Em B khai không có; ông Nguyễn Văn Th chưa có ý kiến về nợ chung với bà Đoàn Em B nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Đoàn Em B phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007229 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dyên Hải. Như vậy, bà Đoàn Em B đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Đoàn Em B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Dyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Dyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh